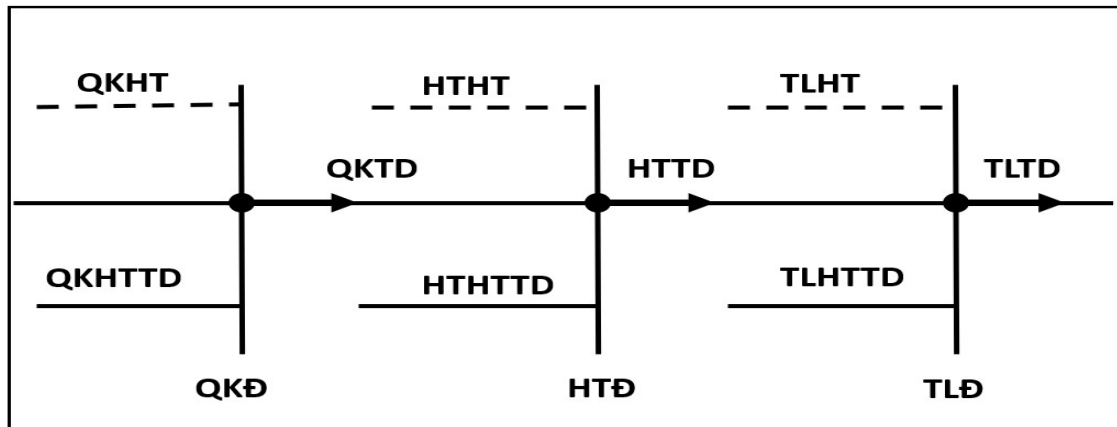


Cách dùng 24 thời thì

- Cách dùng của 24 công thức thời thì



Cách dùng	V(chủ động)	V(bị động)	Dấu hiệu
HTĐ			
<ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt một hành động đơn giản xảy ra ở hiện tại như: thói quen, sự thật hiển nhiên, chân lý. - Hành động xảy ra theo lịch trình, thời gian biểu đã định sẵn. 	V(s/es) be: am/is/are	Be P_{II}	Always Often Sometimes every day/ month...
HTTD			
<ul style="list-style-type: none"> - Tại thời điểm cụ thể ở hiện tại có một hành động đang diễn ra. (có thể tại thời điểm nói hoặc không tại thời điểm nói) - Tương lai gần có dự định từ trước. 	be V_{ing} be: am/is/are	Is/are/am being P_{II}	Now at the moment right now at this time at present
HTHT			
<ul style="list-style-type: none"> - Hành động xảy ra trong quá khứ kéo dài đến hiện tại (có thể tiếp tục đến tương lai). 	have/has P_{II}	have/has been P_{II}	Just Recently Lately Ever

- Hành động vừa mới xảy ra.			<i>Never</i> <i>Since</i> <i>for</i>
HTHTTD			
- Giống HTHT: Hành động xảy ra trong quá khứ kéo dài liên tục đến hiện tại (có thể tiếp tục đến tương lai).	<i>have/has been</i> <i>Ving</i>	<i>have/has been</i> <i>being P_{II}</i>	<i>all day</i> <i>the whole</i> <i>day</i> <i>since</i> <i>for</i>
QKĐ			
- Hành động đơn giản xảy ra trong quá khứ.	<i>Ved (cột 2 BQT)</i> <i>be=was/were</i>	<i>was/were P_{II}</i>	<i>Yesterday</i> <i>Last night/</i> <i>week...</i> <i>In + ... (in</i> <i>1992)</i> <i>...ago (2</i> <i>days ago)</i>
QKTD			
<ul style="list-style-type: none"> - Tại 1 thời điểm cụ thể trong quá khứ, có 1 hành động đang diễn ra. - Hành động đang diễn ra thì có một hành động khác xảy đến. (Hành động xảy đến chia ở quá khứ đơn, hành động đang diễn ra chia ở quá khứ tiếp diễn) - Hai hành động xảy ra đồng thời tại một thời điểm trong quá khứ. 	<i>Be Ving</i> <i>be=was/were</i>	<i>was/were</i> <i>being P_{II}</i>	<i>While</i> <i>When</i> <i>At 9pm last</i> <i>night</i>
QKHT			
- Hành động xảy ra trước một thời điểm xác định trong quá khứ. (Dùng quá khứ hoàn thành cho hành động xảy ra trước, quá khứ đơn cho hành động xảy ra sau)	<i>had P_{II}</i>	<i>had been P_{II}</i>	<i>already</i> <i>just</i> <i>never</i>
QKHTTD			

- Giống thì quá khứ hoàn thành những nhấn mạnh tính liên tục của hành động.	<i>had been V-ing</i>	<i>had been being P-II</i>	<i>how long since for</i>
TLĐ			
- Hành động đơn giản xảy ra trong tương lai.	<i>Will V(bare)</i> <i>Will be</i>	<i>Will be P-II</i>	<i>tomorrow</i> <i>next week / month / year</i> <i>in the future</i> <i>soon</i>
TLTD			
- Tại một thời điểm cụ thể trong tương lai có 1 hành động đang xảy ra	<i>will be V-ing</i>	<i>will be being P-II</i>	<i>at this time/ at this moment +...</i> <i>(at this time tomorrow)</i> <i>At + giờ cụ thể + ... (At 10 am tomorrow)</i>
TLHT			
- Hành động xảy ra trước một thời điểm xác định trong tương lai.	<i>will have P-II</i>	<i>will have been P-II</i>	<i>by then</i> <i>by that time</i> <i>by the end of next month...</i>
TLHTTD			
- Dùng giống TLHT nhưng nhấn mạnh tính liên tục của hành động.	<i>will have been V-ing</i>	<i>will have been being P-II</i>	
TL gần			
- Dự định trong tương lai gần, quyết định có sẵn.	<i>Be going to</i>		
- Hành động xảy ra trong tương lai rất gần.	<i>Be about to V bare</i>		

Lưu ý:

- ***Câu bị động bản chất được hình thành từ câu chủ động.***
- ***Nội động từ không có tân ngữ → không có trường hợp bị động của nội động từ.***